

Số: /TTr-UBND

Điện Biên, ngày tháng 02 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 5/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi Phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1244/BC-HĐTĐ ngày 15/02/2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện quy định tại điểm e, Khoản 4, Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Thông tin về quy hoạch

1. Tên gọi: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên quy mô khoảng 9.539,92 km², gồm 45 đơn vị hành chính cấp xã trong đó có 3 phường và 42 xã.

Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Đông giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Sơn La; Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

Tỉnh Điện Biên có tọa độ địa lý từ 20054' - 22033' vĩ độ Bắc và 102010' - 103036' kinh độ Đông.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: UBND tỉnh Điện Biên.

4. Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch: Sở Tài chính.

5. Cơ quan thẩm định điều chỉnh quy hoạch: Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Sở Xây dựng là cơ quan thường trực).

6. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thời kỳ lập điều chỉnh quy hoạch: điều chỉnh Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. Mô tả tóm tắt Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm: (1) Báo cáo Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch; (2) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch; (3) Các hồ sơ, tài liệu liên quan, với một số nội dung chính của điều chỉnh quy hoạch như sau:

1. Báo cáo Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch

Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc: (1) Kế thừa các nội dung của Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt (Quyết định số 109/QĐ-TTg) và các quy hoạch ngành, lĩnh vực,... còn phù hợp; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án, chương trình đang thực hiện dở dang; (2) Đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh; (3) Phân bổ nguồn lực (đất đai, ngân sách) trực tiếp đến cấp chính quyền cơ sở (cấp xã) trong bối cảnh không còn cấp trung gian (huyện), đảm bảo công bằng và hài hòa lợi ích

giữa các khu vực sau sáp nhập; (4) Việc điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, phạm vi, quy mô hoặc đề xuất mới so với quy hoạch đã phê duyệt phải dựa trên nhu cầu thực tế và khả năng thu hút đầu tư, tránh quy hoạch treo. Trên cơ sở đó điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các nội dung thuộc Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt để tăng tính khả thi trong triển khai thực hiện và phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và địa giới hành chính mới.

2. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch

Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung vào Hệ thống sơ đồ Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh.

3. Các hồ sơ, tài liệu liên quan

(Nội dung chính của Quy hoạch như phụ lục kèm theo)

III. Quá trình tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch

Triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 110-TB/TU ngày 17/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã tổ chức triển khai lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng trình tự, quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương và các yêu cầu thực tiễn của địa phương, cụ thể:

- Ngày 26/12/2025, UBND tỉnh đã phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND;

- Ngày 19/01/2026, UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán chi phí lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 109/QĐ-UBND;

- Ngày 18/01/2026, tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh liên kề; lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.¹

- Ngày 03/02/2026, tổ chức xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy²;

- Ngày 02/02/2026, UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 218/QĐ-UBND;

- Đến ngày 05/02/2026, đã có trên 70 cơ quan, đơn vị gửi văn bản tham gia góp ý đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó: 13 văn bản ý kiến của các Bộ; 02 văn bản ý kiến của UBND cấp tỉnh liên kề; và 56 văn bản ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có

¹ Tại các văn bản của UBND tỉnh số 438/UBND-TH ngày 18/01/2026; số 527/UBND-TH ngày 21/01/2026.

² Văn bản số 619-CV/ĐUUB ngày 03/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh.

liên quan). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia góp ý, Sở Tài chính đã phối hợp với Đơn vị tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trình Hội đồng thẩm định xem xét tại Tờ trình số 832/TTr-STC ngày 05/02/2026.

- Ngày 09/02/2026, Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh (Sở Xây dựng là cơ quan Thường trực) đã tổ chức Hội nghị thẩm định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kết quả 34/34 thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện đều nhất trí thông qua (có điều kiện chỉnh sửa), đạt tỷ lệ 100%, và đã có kết quả thẩm định tại Báo cáo số 1244/BC-HĐTĐ ngày 15/02/2026.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện; cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh và đơn vị tư vấn đã tổ chức tiếp thu giải trình, đồng thời hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Ngày 22/02/2026, UBND tỉnh tổ chức Phiên họp UBND tỉnh để xem xét đánh giá về hồ sơ lập, thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đồng thời báo cáo xin ý kiến Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh.

IV. Về hồ sơ tài liệu kèm theo

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được đăng tải tại đường link:

<https://drive.google.com/drive/folders/1G8kFSvRF0fJWC6BfeemIO3e5GfvuWBsg>

V. Kết luận và kiến nghị

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được lập đảm bảo đầy đủ về hồ sơ, trình tự, thủ tục, nguyên tắc, nội dung theo Quy định pháp luật về Quy hoạch, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch, đã được Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh thống nhất thông qua, đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị thông qua Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua, làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; XD;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

Số: /TTr-UBND

Điện Biên, ngày tháng 02 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 5/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi Phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1244/BC-HĐTĐ ngày 15/02/2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện quy định tại điểm e, Khoản 4, Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-

2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung như sau:

I. Thông tin sơ lược về quy hoạch

1. Tên Quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên quy mô khoảng 9.539,92 km², gồm 45 đơn vị hành chính cấp xã trong đó có 3 phường và 42 xã.

Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Đông giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Sơn La; Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

Tỉnh Điện Biên có tọa độ địa lý từ 20054' - 22033' vĩ độ Bắc và 102010' - 103036' kinh độ Đông.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch: UBND tỉnh Điện Biên.

4. Cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch: Sở Tài chính.

5. Cơ quan thẩm định điều chỉnh quy hoạch: Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Sở Xây dựng là cơ quan thường trực).

6. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thời kỳ lập điều chỉnh quy hoạch: điều chỉnh Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. Mô tả tóm tắt Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm: (1) Báo cáo Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch; (2) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch; (3) Các hồ sơ, tài liệu liên quan, với một số nội dung chính của điều chỉnh quy hoạch như sau:

1. Báo cáo Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch

Thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc: (1) Kế thừa các nội dung của Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt (Quyết định số 109/QĐ-TTg) và các quy hoạch ngành, lĩnh vực,... còn phù hợp; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án, chương trình đang thực hiện dở dang; (2) Đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh; (3) Phân bổ nguồn lực (đất đai, ngân sách) trực tiếp đến cấp chính quyền cơ sở (cấp xã) trong bối cảnh không còn cấp trung gian (huyện), đảm bảo công bằng và hài hòa lợi ích giữa các khu vực sau sáp nhập; (4) Việc điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, phạm

vì, quy mô hoặc đề xuất mới so với quy hoạch đã phê duyệt phải dựa trên nhu cầu thực tế và khả năng thu hút đầu tư, tránh quy hoạch treo. Trên cơ sở đó điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các nội dung thuộc Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt để tăng tính khả thi trong triển khai thực hiện và phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và địa giới hành chính mới.

2. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch

Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung vào Hệ thống sơ đồ Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về điều chỉnh.

3. Các hồ sơ, tài liệu liên quan

(Nội dung chính của Quy hoạch như phụ lục kèm theo)

III. Quá trình tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch

Triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 110-TB/TU ngày 17/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã tổ chức triển khai lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng trình tự, quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương và các yêu cầu thực tiễn của địa phương, cụ thể:

- Ngày 26/12/2025, UBND tỉnh đã phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND;

- Ngày 19/01/2026, UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán chi phí lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 109/QĐ-UBND;

- Ngày 18/01/2026, tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh liên kề; lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.¹

- Ngày 03/02/2026, tổ chức xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy²;

- Ngày 02/02/2026, UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 218/QĐ-UBND;

- Đến ngày 05/02/2026, đã có trên 70 cơ quan, đơn vị gửi văn bản tham gia góp ý đối với Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó: 13 văn bản ý kiến của các Bộ; 02 văn bản ý kiến của UBND cấp tỉnh liên kề; và 56 văn bản ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia góp ý, Sở Tài chính đã phối hợp

¹ Tại các văn bản của UBND tỉnh số 438/UBND-TH ngày 18/01/2026; số 527/UBND-TH ngày 21/01/2026.

² Văn bản số 619-CV/ĐUUB ngày 03/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh.

với Đơn vị tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trình Hội đồng thẩm định xem xét tại Tờ trình số 832/TTr-STC ngày 05/02/2026.

- Ngày 09/02/2026, Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh (Sở Xây dựng là cơ quan Thường trực) đã tổ chức Hội nghị thẩm định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kết quả 34/34 thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện đều nhất trí thông qua (có điều kiện chỉnh sửa), đạt tỷ lệ 100%, và đã có kết quả thẩm định tại Báo cáo số 1244/BC-HĐTD ngày 15/02/2026.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện; cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh và đơn vị tư vấn đã tổ chức tiếp thu giải trình, đồng thời hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Ngày 22/02/2026, UBND tỉnh tổ chức Phiên họp UBND tỉnh để xem xét đánh giá về hồ sơ lập, thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đồng thời tổ chức báo cáo, xin ý kiến của Ban Chấp hành Đảng ủy UBND tỉnh đóng góp ý kiến và tiếp tục tổ chức hoàn chỉnh Đồ án.

IV. Về hồ sơ tài liệu kèm theo

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được đăng tải tại đường link:

<https://drive.google.com/drive/folders/1G8kFSvRF0fJWC6BfeemIO3e5GfvuWBsg>

V. Kết luận và kiến nghị

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được lập đảm bảo đầy đủ về hồ sơ, trình tự, thủ tục, nguyên tắc, nội dung theo Quy định pháp luật về Quy hoạch, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch, đã được Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh thống nhất thông qua, đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị thông qua Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua, làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; XD;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 5/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi Phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1244/BC-HĐTD ngày 15/02/2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 với những nội dung chính như Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện, phê duyệt hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV thông qua ngàythángnăm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh,
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Điện Biên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô

PHỤ LỤC

Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /02/2026 của
HĐND tỉnh)

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên quy mô khoảng 9.539,92 km², gồm 45 đơn vị hành chính cấp xã trong đó có 3 phường và 42 xã.

Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Đông giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Sơn La; Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

Tỉnh Điện Biên có tọa độ địa lý từ 20⁰54' - 22⁰33' vĩ độ Bắc và 102⁰10' - 103⁰36' kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng trung du miền núi phía Bắc. Phát triển nhanh gắn liền với tăng trưởng xanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số và tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất. Tập trung đầu tư có trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh với nông, lâm nghiệp là nền tảng; xây dựng là động lực và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng của tỉnh, dựa trên ba trụ cột: Du lịch lịch sử - tâm linh, du lịch bản sắc văn hóa dân tộc, khám phá thiên nhiên và du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe.

Phát huy tối đa yếu tố con người; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; gắn với đào tạo đội ngũ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, coi trọng giáo dục phổ cập để nâng cao trình độ dân trí của dân cư, đặc biệt là dân cư vùng nông thôn, miền núi.

Tập trung đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh, bản sắc và tiết kiệm tài nguyên. Phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, phát huy nội lực, thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển tỉnh; tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông và đa mục tiêu; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong tỉnh, tạo dựng các liên kết phát triển với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc; tận dụng các lợi thế về giao thương quốc tế thông qua các cửa khẩu quốc tế với các tỉnh Bắc Lào, Tây Nam Trung Quốc và các nước ASEAN.

Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; quản lý tài nguyên khoáng sản, sử dụng bền vững các tài nguyên và giữ cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới nền kinh tế xanh, tuần hoàn và thân thiện với môi trường. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch, khắc phục các tác động tiêu cực của kinh tế quốc tế và khu vực; đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, là một trong những trung tâm của vùng về du lịch, dịch vụ và y tế. Phát triển tỉnh trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, coi đây là động lực chủ yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời xác định chuyển đổi số là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, gắn với công nghiệp chế biến và phát triển du lịch, hình thành chuỗi giá trị bền vững. Kinh tế số đóng vai trò quan trọng trong phát triển tỉnh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2030 đạt 10-11%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Ngành dịch vụ chiếm khoảng 59,45%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 9,64%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27,15%, tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP tỉnh.

Đến năm 2030 GRDP bình quân/người đạt trên 115 triệu đồng (theo giá hiện hành), năng suất lao động đạt 193,0 triệu đồng (theo giá hiện hành), đến năm 2030 phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 5.000 tỷ đồng, khách du lịch đạt trên 2,65 triệu lượt người.

- Về xã hội: Đến năm 2030 quy mô dân số toàn tỉnh đạt trên 716.000 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55%, 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế, số trường mầm non, phổ thông được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên 85%, Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm trở lên;

- Về môi trường: Đến năm 2030 duy trì tỷ lệ che phủ rừng 47%, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 99%, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch đảm bảo theo tiêu chuẩn đạt 100%, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 55% được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ thu gom rác thải đạt từ 96,5% đối với khu vực đô thị và đạt từ 50-70% đối với khu vực nông thôn. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

- Về du lịch: Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên đón 2,65 triệu lượt khách, trong đó có 600 nghìn lượt khách quốc tế; tổng thu từ hoạt động du lịch đạt trên 5.000 tỷ đồng; đóng góp 11% trong GRDP của tỉnh.

- Về không gian và kết cấu hạ tầng

Đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa phần đầu đạt trên 32%. Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Về quốc phòng, an ninh: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của tỉnh; triển khai thực hiện các cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội để xây dựng tiềm lực quốc phòng của tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, có trình độ và sức mạnh tổng hợp, có khả năng sẵn sàng và sức mạnh chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

Giải quyết các mâu thuẫn, xung đột có tính chất liên ngành trong quá trình phát triển; giải quyết mâu thuẫn trong phát triển kinh tế với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Phát triển hệ thống giao thông kết nối các trọng điểm sản xuất, các vùng sản xuất tập trung, các địa bàn trọng yếu, khu vực tập trung dân cư...

Tạo ra các liên kết phát triển mới nội tỉnh và với các tỉnh lân cận trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch để khai thác tối đa tiềm năng của các địa phương trong tỉnh cũng như tận dụng được lợi thế phát triển của vùng;

Đề xuất các giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thông qua việc xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù để thu hút đầu tư cũng như các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư;

Thực hiện hiệu quả nhiều giải pháp để huy động vốn từ các nguồn khác nhau; Ưu tiên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách vào các ngành, lĩnh vực quan trọng.

Rút ngắn khoảng cách chênh lệch về GRDP bình quân đầu người so với trung bình cả nước và trên địa bàn tỉnh.

Quan tâm phát triển các khu vực đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, hỗ trợ phát triển đồng bào dân tộc và thiểu số miền núi.

b) Các đột phá phát triển

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh: Tập trung vào việc nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động..., thu hút giải phóng các nguồn lực, xây dựng giải pháp mới để tạo đột phá trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính. Trong đó xác định chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng góp phần đạt được các mục tiêu phát triển, tập trung vào tất cả các thành phần: Phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số...

Tạo dựng môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện mạnh mẽ các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)...

(2) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Tập trung đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là hệ thống giao thông; xác định đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đi trước tạo đột phá và là động lực phát triển tỉnh. Tập trung sớm đầu tư, nâng cấp và hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực đô thị Điện Biên Phủ và các cực tăng trưởng của tỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững;

(3) Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm chủ lực của địa phương, tập trung triển khai các chương trình, đề tài khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các lĩnh vực có lợi thế như nông nghiệp, lâm nghiệp, dược liệu và chế biến nông, lâm sản; bảo tồn và phát triển các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với xây dựng vùng nguyên liệu tập trung và phát triển chuỗi giá trị bền vững. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các tiến bộ kỹ thuật phù hợp trong sản xuất nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường và trồng, chế biến gỗ; thúc đẩy đổi mới công nghệ trong chế biến sâu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu; gắn ứng dụng khoa học, công nghệ với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật tại chỗ, nâng cao kỹ năng tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

(4) Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với nhiều loại hình: Tập trung khai thác hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, nguồn lực con người; phát huy hệ thống di tích lịch sử, nhất là di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch, sinh thái cộng đồng trải nghiệm, nghỉ dưỡng thể thao, giải trí, góp phần tăng thời gian lưu trú của du khách và doanh thu từ du lịch. Ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển không gian tại khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang; các cơ

sở dịch vụ du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng chất lượng cao. Tăng cường quảng bá du lịch qua các kênh truyền thông và các nền tảng mạng xã hội; mở rộng liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong nước và quốc tế, xây dựng Điện Biên trở thành trung tâm du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng tỉnh Điện Biên là tỉnh phát triển khá của cả nước, là trọng điểm du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái quốc gia, có đẳng cấp quốc tế; người dân có thu nhập cao, chất lượng cuộc sống tốt, hạnh phúc. Các giá trị, bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn đặc biệt là văn hóa dân tộc H'Mông, Thái được giữ gìn, bảo tồn và phát triển. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Đẩy mạnh phát triển nông - lâm nghiệp, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, chế biến sâu theo hướng hình thành và mở rộng vùng sản xuất hàng hóa có giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP đạt chất lượng quốc gia.

Nghiên cứu phát triển giống cây trồng, vật nuôi mới, phục tráng giống bản địa có giá trị kinh tế cao. Ưu tiên các cây trồng chủ lực phù hợp khí hậu, thổ nhưỡng địa phương (mắc ca, cà phê, dược liệu, hoa quả, ...) và các vật nuôi có thương hiệu.

Phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển rừng nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ và năng lượng sinh khối, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng và quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; xã hội hóa đầu tư lâm nghiệp và phát triển dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường tín chỉ các-bon. Gắn phát triển nông nghiệp, nông thôn với đa dạng hóa các sản phẩm du lịch.

b) Ngành du lịch

- Phát triển du lịch theo 3 vùng kinh tế: Vùng kinh tế 01 gồm khu vực Mường Lay, Điện Biên Phủ, Mường Thanh là khu vực trung tâm du lịch lịch sử - văn hóa của tỉnh và đầu mối cho mọi hoạt động du lịch. Vùng kinh tế 02 gồm các khu vực Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng tập trung phát triển du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan cao nguyên đá, du lịch nghỉ dưỡng. Vùng kinh tế 03 gồm các khu vực Mường Nhé, Nà Hỳ, Na Sang tập trung vào du lịch biên mậu và du lịch sinh thái, khám phá.

- Phát triển du lịch theo 4 trục động lực: Trục động lực 01: QL279/Cao tốc DB-SL-HN gắn với Cảng hàng không Điện Biên, là trục động lực chính cho phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại của toàn tỉnh. Tuyến này tạo kết nối thông suốt với Lào qua cửa khẩu Tây Trang/Huổi Puốc và với các tỉnh Tây Bắc, miền núi phía Bắc. Trục động lực 02: QL12 kết nối khu vực phía Bắc và phía Nam gồm từ Phường Mường Lay, xã Mường Tùng, xã Na Sang đến Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, xã Thanh An và kết nối với Lào. Tuyến này cần được ưu tiên đầu tư để phát huy lợi thế của Cảng hàng không Điện Biên và tăng cường liên kết khu vực. Trục động lực 03: QL6 kết nối Mường Lay và Tuần Giáo với các tỉnh Sơn La, Phú Thọ và Hà Nội tạo thành trục vành đai phía Đông liên kết nội tỉnh, hỗ trợ du lịch và giao thương. Trục động lực 04: QL4H kết nối vùng phía Tây của tỉnh, tạo động lực phát triển du lịch sinh thái và thương mại dịch vụ biên mậu, đặc biệt là kết nối với Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu A Pa Chải sang Trung Quốc.

- Phát triển du lịch theo 4 cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng 01: Điện Biên Phủ, Mường Thanh và Mường Phăng quy hoạch trở thành cực tăng trưởng trung tâm, phát triển thành đô thị tổng hợp, trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử, giáo dục truyền thống và dịch vụ của vùng Tây Bắc. Trong đó, tập trung bảo tồn, tôn tạo và khai thác, phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Cực tăng trưởng 02: Mường Lay và khu vực lân cận quy hoạch phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hóa bản địa, lễ hội và cảnh quan lòng hồ thủy điện Sơn La. Cực tăng trưởng 03: Quài Tở và khu vực lân cận quy hoạch phát triển du lịch sinh thái núi cao, du lịch cộng đồng. Cực tăng trưởng 04: Sín Thầu và khu vực lân cận quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm, văn hóa, thương mại-dịch vụ qua cửa khẩu biên giới A pa Chải.

Du lịch Điện Biên được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính: (1) Du lịch lịch sử - tâm linh: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, tập trung phát huy di tích Sở Chỉ huy chiến dịch tại xã Mường Phăng thành sản phẩm du lịch tiêu biểu, trọng điểm. (2) Du lịch bản sắc văn hóa dân tộc, khám phá thiên nhiên: Xây dựng một số bản tiêu biểu của các dân tộc Thái, Mông, Hà Nhì,... thành nơi bảo tồn, quảng bá, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, ẩm thực, điểm du lịch cộng đồng đặc sắc. (3) Du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe theo hướng chất lượng cao, gắn với tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá, chinh phục thiên nhiên với quy mô quốc gia (tổ chức các giải việt dã, marathon, leo núi chinh phục đỉnh Pú Tó Cọ, cực Tây - ngã ba biên giới A Pa Chải...).

c) Ngành xây dựng

- Phát triển ngành xây dựng trở thành ngành kinh tế có vai trò động lực trong phát triển tỉnh giai đoạn tới, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế, đáp ứng các nhu cầu xây dựng phát triển của các ngành quan trọng khác của tỉnh như: xây dựng các dự án thủy điện, điện gió...với những công nghệ mới; xây dựng các công trình nhà ở, công trình dân dụng; xây dựng các khu du lịch đẳng

cấp cao; đáp ứng nhu cầu phát triển cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy...

- Dự báo đến năm 2030, ngành xây dựng chiếm tỷ trọng khoảng 25,8% GRPD toàn tỉnh; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị đạt 100%.

d) Ngành thương mại dịch vụ

- Phát triển ngành thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, nâng cao vai trò của ngành trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trở thành động lực tăng trưởng trong các ngành dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo việc làm, kết nối sản xuất và tiêu dùng, dẫn dắt sản xuất định hướng theo nhu cầu thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Phát triển ngành thương mại theo hướng tận dụng lợi thế so sánh của địa bàn, các cơ hội phát triển trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và mô hình thương mại chuyển đổi theo hướng đổi mới sáng tạo, số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

- Phát triển thương mại nội địa: Phát triển ngành thương mại nội địa nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn, tăng trưởng theo hướng hiện đại và bền vững, phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại theo các phương thức hoạt động hiện đại, chuyên nghiệp, thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại quốc tế: Đẩy mạnh vai trò của kinh tế cửa khẩu trong phát triển kinh tế của tỉnh. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng cửa khẩu đồng bộ. Phát triển các mặt hàng đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng địa phương có lợi thế. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tăng cường đàm phán, hợp tác, đẩy mạnh xúc tiến thương mại giữa hai tỉnh.

- Phát triển thương mại điện tử: Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Xúc tiến thương mại: Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp của tỉnh tìm kiếm đối tác, thúc đẩy cơ hội trao đổi, mua bán giao thương hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Chú trọng hỗ trợ các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh.

đ) Ngành công nghiệp

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trọng tâm là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm sản lợi thế; phát triển điện năng trên cơ sở khai thác tiềm năng về điện gió, điện sinh khối, thủy điện, điện rác và các nguồn năng lượng tái tạo khác; nâng cao giá trị đóng góp của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào giá trị sản xuất của toàn tỉnh;

- Ưu tiên tập trung phát triển nhóm ngành thế mạnh, có đóng góp cao, thuộc chuỗi sản phẩm có giá trị gia tăng, nằm trong chuỗi hàng hóa, chuỗi sản phẩm; liên kết địa phương, liên kết các ngành. Tập trung phát triển các ngành: (1) chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; (2) sản xuất vật liệu xây dựng; (3) sản xuất và phân phối điện; (4) khai thác khoáng sản. Thu hút đầu tư và tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản theo hướng chế biến sâu nông lâm sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và du lịch; sản xuất vật liệu xây dựng; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, ngành sử dụng công nghệ cao ít gây ô nhiễm môi trường và có hiệu quả kinh tế;

- Bảo tồn, phát huy những ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công truyền thống của địa phương, phát triển các ngành nghề mới, sản xuất các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, sản phẩm chế biến... phục vụ phát triển nông nghiệp (công nghiệp nông nghiệp); phát triển du lịch (công nghiệp du lịch), nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp hiện trạng; bố trí các dự án mới và sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán tại các khu đô thị vào các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được duyệt. Gắn phát triển sản xuất công nghiệp với quy hoạch phát triển mới chuỗi liên kết sản phẩm, chuỗi giá trị, các vùng nguyên liệu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Ngành y tế và trợ giúp xã hội

- Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình; đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Nâng cấp các cơ sở y tế từ cấp xã đến cấp tỉnh về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

- Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu yên tâm công tác lâu dài tại địa phương, người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng khó khăn. Ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực phát triển ngành y tế.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở. Tập trung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trạm y tế cấp xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.

Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các đối tượng yếu thế khác được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản. Tăng cường kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.

Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Phát triển

mạng lưới cơ sở trợ giúp bảo trợ xã hội đảm bảo phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Ngành Giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp phân bố dân cư và nhu cầu học tập. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm đủ số lượng, đúng cơ cấu và đạt chuẩn theo quy định; đẩy mạnh quy hoạch, trẻ hóa đội ngũ quản lý, tăng tỷ lệ cán bộ quản lý được đào tạo về quản lý giáo dục và lý luận chính trị. Bảo đảm 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; ưu tiên bổ sung giáo viên các môn còn thiếu (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật) và bảo đảm đủ nhân viên hỗ trợ, phục vụ theo định mức. Nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng lấy người học làm trung tâm; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu chương trình giáo dục; tăng cường dạy học tích hợp, trải nghiệm, STEM/STEAM; chú trọng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng dạy học lớp ghép. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong quản lý và chuyên môn; tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên về đạo đức nghề nghiệp, năng lực triển khai chương trình mới, kỹ năng quản lý học sinh; sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục toàn diện.

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù trong các trường PTDTNT và PTDTBT, như: giáo dục kỹ năng sống, giáo dục hướng nghiệp, và các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo tích hợp văn hóa truyền thống. Phấn đấu 100% học sinh PTDTNT và PTDTBT được trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết về tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng hội nhập cộng đồng.

- Phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng bảo đảm quyền học tập cho trẻ khuyết tật, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, không rào cản và cá nhân hóa hỗ trợ học tập; đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác hòa nhập và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và giáo dục đại học theo chuẩn đầu ra, gắn nhu cầu xã hội và thị trường lao động; tăng cường kiểm định chất lượng, nâng cao năng lực nhà giáo và cán bộ quản lý, thúc đẩy hợp tác đào tạo, từng bước mở rộng cơ hội học tập suốt đời và nâng cao khả năng cạnh tranh của người học.

c) Ngành khoa học và công nghệ

- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng; là nhân tố quyết định tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh.

- Phát triển đồng bộ, liên ngành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trọng tâm, trọng điểm là phát triển nông nghiệp và du lịch. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, nhà khoa học là nhân tố then chốt, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, kiến tạo thể chế và quản trị linh hoạt. Xây dựng và phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng, làm chủ và phát triển công nghệ chiến lược; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực: Công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), ISO điện tử, GIS online, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp với các loại cây trồng, dược liệu, kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến các sản phẩm nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đăng ký bảo hộ, nhãn hiệu sản phẩm đặc trưng đưa vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong nước và hướng tới xuất khẩu. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong điều chế thuốc đông y; công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh cho Nhân dân..

d) An sinh xã hội

- Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định; nâng cao chất lượng cuộc sống của người có công phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, mua bán người, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

đ) Ngành thông tin và truyền thông

- Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông và hạ tầng số đồng bộ, nhằm tăng cường khả năng kết nối, phục vụ công cuộc chuyển đổi số và phát triển kinh tế số; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số và khuyến khích phát triển các nền tảng số để ứng dụng trong lĩnh vực bưu chính.

e) Lĩnh vực văn hóa, thể thao

“Phát triển văn hóa, thể thao theo hướng bền vững, lấy bảo tồn và phát huy giá trị di sản làm nền tảng, đồng thời gắn phát triển văn hóa với việc hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, nâng cao sức hấp dẫn của Điện Biên như một điểm đến giàu bản sắc văn hóa, lịch sử và thiên nhiên độc đáo của vùng Tây Bắc”:

- Phát triển văn hóa, thể thao gắn với du lịch theo các vùng kinh tế, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn di sản và khai thác giá trị phục vụ phát triển bền vững: Vùng trung tâm gồm Điện Biên Phủ, Mường Lay và Mường Thanh, là hạt nhân văn hóa, thể thao và du lịch của toàn tỉnh. Định hướng phát triển các thiết chế văn hóa quy mô lớn, không gian tổ chức sự kiện, dịch vụ thể thao - nghỉ dưỡng chất lượng cao, kết hợp khai thác giá trị lịch sử, văn hóa đặc trưng của vùng trung tâm; Vùng sinh thái - văn hóa truyền thống gồm Tủa Chùa, Tuần Giáo và Mường Ảng, tập trung bảo tồn không gian văn hóa cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp đặc sản (chè cổ thụ, cà phê), đồng thời hình thành các chợ phiên, không gian trải nghiệm văn hóa vùng cao phục vụ du khách; Vùng bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu

số và du lịch biên giới gồm Mường Nhé, Nậm Pồ và Mường Chà, trọng tâm bảo tồn, phục dựng và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc rất ít người như Cống, Si La, Hà Nhì; phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm cộng đồng, du lịch sinh thái và khám phá vùng biên.

- Phát triển theo các trục động lực liên kết không gian văn hóa - thể thao - du lịch: Hình thành các hành lang kết nối các trung tâm văn hóa, điểm di tích, khu du lịch và thiết chế thể thao: Trục giao thông chiến lược gắn với cảng hàng không tạo điều kiện tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô quốc tế và khu vực, đồng thời mở rộng khả năng thu hút khách du lịch. Các trục quốc lộ liên vùng hình thành mạng lưới giao lưu văn hóa, kết nối chuỗi điểm đến từ trung tâm tỉnh đến khu vực biên giới, góp phần lan tỏa giá trị di sản và phát triển du lịch bền vững.

- Phát triển theo các cực tăng trưởng văn hóa - thể thao - du lịch trọng điểm: Đô thị Điện Biên Phủ là cực trung tâm, ưu tiên đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn quốc gia, trở thành trung tâm tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật và quảng bá di sản. Đô thị Mường Lay phát triển theo định hướng đô thị văn hóa - du lịch sinh thái, trung tâm thể thao dưới nước và khai thác cảnh quan hồ thủy điện. Đô thị Tuần Giáo trở thành trung tâm dịch vụ văn hóa, du lịch cửa ngõ phía Đông, phát triển phong trào thể thao quần chúng gắn với du lịch cộng đồng. Đô thị Mường Nhé là không gian bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc ít người khu vực biên giới, kết hợp phát triển du lịch sinh thái và trải nghiệm bản sắc bản địa.

f) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng, phát triển tỉnh Điện Biên giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn chiến lược; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội (theo 04 trục động lực - 03 vùng kinh tế - 04 cực tăng trưởng)

a) 04 trục động lực, gồm:

(1) Trục kinh tế động lực theo Quốc lộ 279, tuyến cao tốc Điện Biên - Sơn La - Hà Nội, gắn với cảng hàng không Điện Biên: là trục động lực chính, quan trọng của toàn vùng; là tuyến giao thông tạo sự kết nối mạnh mẽ, thông suốt giữa tỉnh Điện Biên và các tỉnh Tây Bắc, các tỉnh trong vùng trung du miền núi phía Bắc cũng như sang nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc. Trục kinh tế này là động lực phát triển kinh tế toàn tỉnh mà trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến; kết nối các xã, phường từ khu vực xã Quài Tở, Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Búng Lao, Mường Ảng, Nà Tấu, Mường Phăng, đến khu vực Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, xã Thanh An, xã Sam Mứn.

(2) Trục phát triển kinh tế dọc theo Quốc lộ 12: Là trục kết nối giữa khu vực phía Bắc với khu vực phía Nam tỉnh và kết nối sang Lào thông qua cửa khẩu

Huổi Puốc, cửa khẩu Tây Trang; kết nối không gian phát triển của các xã, phường sau sáp nhập từ P. Mường Lay, xã Mường Tùng, xã Na Sang, xã Thanh Nưa, đến Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, xã Thanh An. Đây là tuyến giao thông cần được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn tới để phát huy lợi thế của Cảng hàng không Điện Biên và tăng cường kết nối với các tỉnh lân cận.

(3) Trục phát triển kinh tế phát triển dọc theo Quốc lộ 6: Là trục kết nối các xã, phường sau sáp nhập từ khu vực xã Quài Tở, xã Tuần Giáo, Mường Mùn, Nậm Nèn, Pa Ham lên P. Mường Lay và các tỉnh phía Đông Nam (Sơn La - Phú Thọ - Hà Nội); kết hợp với các tuyến đường tỉnh 139, đường tỉnh 146, đường tỉnh 149B tạo thành trục vành đai phía Đông của tỉnh liên kết các xã, tăng cường giao lưu giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh.

(4) Trục phát triển kinh tế dọc theo Quốc lộ 4H kết nối với vùng phía Tây của tỉnh: Là trục giao thông quan trọng góp phần phát triển du lịch và thương mại dịch vụ, kết nối với Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu A Pa Chải sang Trung Quốc; kết nối không gian phát triển của các xã, phường sau sáp nhập từ các xã Si Na Sang, Si Pa Phìn, Mường Chà, Quảng Lâm, Nậm Kè, đến các xã Mường Toong, Mường Nhé.

b) 03 vùng kinh tế - xã hội gồm:

- Vùng kinh tế I (vùng kinh tế động lực): Bao gồm các xã, phường: Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, các xã Thanh An, Nà Tấu, Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Na Son, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tà Dình, Phình Giàng là vùng động lực phát triển đa dạng các lĩnh vực: Nông lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ...

- Vùng kinh tế II: Bao gồm các xã Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Mường Ảng, Búng Lao, Mường Lạn là vùng tập trung phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, du lịch.

- Vùng kinh tế III: Bao gồm các xã Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm, Nà Hỳ, Mường Chà, Nà Búng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Pồn và Phường Mường Lay; là vùng tập trung phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản, du lịch thương mại dịch vụ.

c) 04 Cực tăng trưởng, gồm:

- Đô thị Điện Biên Phủ: gồm Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, xã Thanh An. Là đô thị trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của tỉnh; là đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc. Tập trung xây dựng hình ảnh đô thị văn hóa - lịch sử và du lịch; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viên Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh.

- Đô thị Mường Lay gồm Phường Mường Lay: Phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh; xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- Đô thị Tuần Giáo gồm xã Tuần Giáo: Phát triển thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh; thu hút đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp để thúc đẩy kinh tế của các xã khu vực phía Đông tỉnh.

- Đô thị Mường Nhé gồm xã Mường Nhé: Là trung tâm vùng kinh tế số III, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái và đặc biệt là thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên:

- 01 đô thị loại II: Đô thị Điện Biên Phủ (Phường Điện Biên Phủ, Phường Mường Thanh, xã Thanh An),

- 02 đô thị loại III trên toàn ranh giới xã phường: Đô thị Mường Lay (Phường Mường Lay), Đô thị Tuần Giáo (xã Tuần Giáo)

- 04 đô thị loại III có vùng nội thị đạt tiêu chí đô thị loại III : Đô thị Na Son (nội thị của xã Na Son), đô thị Na Sang (nội thị của xã Na Sang), đô thị Tủa Chùa (nội thị của xã Tủa Chùa), đô thị Mường Ảng (nội thị của xã Mường Ảng).

- Tỷ lệ đô thị hóa 32%

Định hướng đến năm 2050 tỉnh Điện Biên có 11 đô thị

- Tiếp tục phát triển 07 đô thị giai đoạn 2025-2030, gồm:

+ 01 đô thị loại II: Đô thị Điện Biên Phủ (phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An).

+ 04 đô thị loại III trên toàn ranh giới xã phường: Đô thị Mường Lay (phường Mường Lay), Đô thị Tuần Giáo (xã Tuần Giáo), Đô thị Mường Ảng (xã Mường Ảng), Đô thị Tủa Chùa (xã Tủa Chùa)

+ 02 đô thị loại III có vùng nội thị đạt tiêu chí đô thị loại III : Đô thị Na Son (nội thị của xã Na Son), Đô thị Na Sang (nội thị xã Na Sang),

- 04 đô thị loại III thêm mới giai đoạn sau năm 2030: Đô thị Thanh Nưa (xã Thanh Nưa), Đô thị Mường Nhé (nội thị của xã Mường Nhé), Đô thị A Pa Chải (nội thị của xã Sín Thầu), Đô thị Nà Hỳ (nội thị của xã Nà Hỳ)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Các xã, thôn, bản phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất, trong đó:

- Đối với các khu vực phát triển mới: Các khu dân cư mới được sắp xếp tại vị trí thuận tiện cho sản xuất của từng khu vực. Mỗi khu dân cư được bố trí đất

thương mại, đất sản xuất và đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội kết nối thuận lợi đến các khu vực đô thị và trung tâm dịch vụ.

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu: Giữ gìn không gian cảnh quan, kiến trúc công trình. Bảo tồn không gian nhà ở, công trình văn hóa truyền thống mang nét đặc trưng địa phương, đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc tại từng khu vực.

3. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Phương án phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Các khu bố trí phát triển công nghiệp tập trung đảm bảo đáp ứng được các yếu tố, điều kiện về kết nối giao thông thuận lợi, đầy đủ các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, bố trí các dịch vụ phục vụ người lao động; đồng thời, đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả về đất đai.

- Giai đoạn đến năm 2030 hình thành 01 Khu công nghiệp diện tích khoảng 100ha và phát triển 15 cụm công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 388,92 ha.

b) Phương án phát triển các khu, điểm du lịch, dịch vụ du lịch

- Khu du lịch: Thu hút đầu tư, phát triển khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang (xã Mường Phăng, phường Điện Biên Phủ), trở thành khu du lịch quốc gia theo quy hoạch. Từng bước xây dựng Khu du lịch Tòa Chùa (xã Tòa Chùa, Tòa Thành, Sín Chải, Sính Phình, Sáng Nhè) có cơ sở hạ tầng du lịch đồng bộ, sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với lợi thế về tài nguyên du lịch thiên nhiên, văn hóa trở thành khu du lịch quốc gia khi có đủ điều kiện. Tập trung xây dựng, phát triển khu phố đi bộ, chợ đêm kết hợp khu vui chơi giải trí đa chức năng (phường Điện Biên Phủ, xã Tòa Chùa); Xây dựng Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé trở thành khu du lịch sinh thái tiêu biểu, chất lượng cao...

- Điểm du lịch: Lựa chọn, xây dựng một số bản du lịch cộng đồng, điểm du lịch tiêu biểu: Bản Nà Sự, xã Mường Chà; bản A Pa Chải, xã Sín Thầu; bản Quan Chiêng, phường Mường Lay; bản Lồng, xã Quài Tở; bản Phiêng Lơi, phường Điện Biên Phủ; bản Che Cẩn, xã Mường Phăng; bản Huổi Nhả, xã Mường Pồn; Di tích thành Bản Phủ; Chợ phiên Tả Sìn Thàng, xã Sín Chải; Cột cờ A Pa Chải, xã Sín Thầu; hang động Khó Chua La, xã Sáng Nhè; hang động Pa Thơm, xã Thanh Yên; hang động Chua Ta, xã Núa Ngam....

- Xây dựng 01 công viên hoa ban kết hợp hoa anh đào và hoa khác, 01 phố du lịch - ẩm thực tại phường Điện Biên Phủ; Thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng cao cấp, khoáng nóng, khu vui chơi giải trí đa chức năng, khu vực ẩm thực chuyên đề, phố đi bộ, chợ đêm.

c) Phương án phát triển khu nghiên cứu đào tạo

- Tập trung xây dựng và phát triển khu nghiên cứu đào tạo công nghệ của tỉnh tại phường Điện Biên Phủ. Khu nghiên cứu đào tạo là nơi tập trung các cơ sở nghiên cứu phát triển, hỗ trợ nghiên cứu phát triển, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong tỉnh; là nơi thu hút các chuyên gia trong các ngành công nghệ cao và những người có trình độ cao làm công tác nghiên cứu, là nơi đào tạo

nhân lực ứng dụng công nghệ cao cho sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nông nghiệp và chuyển giao công nghệ trồng trọt, chăn nuôi.

- Ngoài ra, thu hút đầu tư để thành lập khu nghiên cứu vệ tinh nhằm phát triển các sản phẩm nông lâm sản và vật liệu xây dựng tại các cụm khu công nghiệp góp phần thúc đẩy và nâng cao giá trị kinh tế các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, tôn tạo, khu bảo tồn đất ngập nước, khu vực dự trữ thiên nhiên Mường Nhé, khu bảo tồn Huổi Lèng - Nà Tấu, khu bảo tồn Pá Khoang - Mường Phăng, di tích lịch sử chiến trường Điện Biên Phủ.

- Duy trì hiện trạng công trình hoặc tu bổ, cải tạo, xây dựng mới phù hợp với hiện trạng kiến trúc của khu vực; kiểm soát hoạt động xây dựng, loại hình công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng, kiến trúc công trình xây dựng phù hợp với cảnh quan và đặc trưng văn hoá cần được bảo tồn.

- Hạn chế tối đa các hoạt động có nguy cơ gây sạt lở; quản lý chặt chẽ, hạn chế cấp phép khai thác vật liệu xây dựng, không xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

đ) Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Phân bố không gian phát triển trồng trọt tập trung:

Cây cà phê: Quản lý, chăm sóc tốt diện tích hiện có; mở rộng diện tích tại các vùng có điều kiện phù hợp, tái canh diện tích cà phê già cỗi, kém hiệu quả. Đẩy mạnh gieo ươm giống từ cây đầu dòng, trồng xen với cây mắc ca và cây ăn quả. Xây dựng nhà máy chế biến tại các xã: Tuần Giáo, Na Son, Nà Hỳ...

Các xã phát triển trên 1.000 ha gồm: Mường Ảng, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Xa Dung...; Các xã phát triển từ 500 ha đến 1.000 ha: Nà Tấu, Búng Lao, Na Son, Pu Nhi, Mường Luân, Tuần Giáo, Nà Hỳ, Si Pa Phìn, Sín Chải, Nậm Kè, Mường Chà, Sáng Nhè...; các xã phát triển từ 300 ha đến dưới 500 ha: Mường Lạn, Tà Đình, Phình Giàng, Na Sang, Mường Pôn, Quảng Lâm... Các xã còn lại dưới 300 ha.

+ Cây ăn quả: Duy trì diện tích cây ăn quả hiện có, thực hiện ghép cải tạo đối với vườn già cỗi để cải thiện năng suất. Tiếp tục mở rộng diện tích trồng dứa và chanh leo theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Xây dựng nhà máy chế biến tại các xã Quài Tở, Mường Nhà, Na Sang.

Vùng trồng dứa tập trung tại các xã: Mường Pôn, Mường Nhà, Núa Ngam, Sam Mứn, Pú Nhung, Na Sang...

Vùng trồng chanh leo tập trung: Chuyển đổi các diện tích lúa một vụ, lúa 2

vụ kém hiệu quả để phát triển chanh leo tại các xã: Si Pa Phìn, Mường Pồn, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Mường Lạn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung...

- Rau, màu: Phát triển sản xuất rau, màu theo hướng hàng hóa tập trung, gắn với lợi thế từng vùng; cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và một phần xuất ra ngoài tỉnh. Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất an toàn, VietGAP, hữu cơ... Hình thành vùng sản xuất tập trung, trọng tâm tại các xã, phường: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Nà Tấu, Tia Đình, Na Sang, Si Pa Phìn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Lay, Mường Thanh...

Các sản phẩm đặc sản khác: Mở rộng diện tích, nâng cao sản lượng tại vùng có lợi thế bản địa cao và các khu vực lân cận: khoai sọ (Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Xa Dung...), bí xanh (Tia Đình, Mường Luân), lạc đỏ (Na Son, Phình Giàng...),... xây dựng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cho các sản phẩm đặc sản bản địa.

+ Cây chè Shan: Cải tạo và phát triển vùng chè, nâng cao năng suất, chất lượng theo hướng canh tác hữu cơ, an toàn. Bảo tồn, phát huy giá trị cây chè cổ thụ, chè cây cao gắn với khai thác giá trị kinh tế, văn hóa - lịch sử và du lịch tại các xã: Mường Lạn, Sính Phình, Sín Chải, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham...

- Phân bố không gian phát triển chăn nuôi tập trung: Phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, gắn với sản xuất thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ. Phát triển chăn nuôi tập trung tại các xã Mường Pồn, Na Sang, Búng Lao, Núa Ngam, Chiềng Sinh và các địa bàn phù hợp khác; đẩy mạnh chuyển đổi phương thức từ chăn thả trâu, bò tự do sang nuôi nhốt....

- Phân bố không gian phát triển nuôi trồng thủy sản: phát triển nuôi cá lồng bè tại các khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La khu vực xã Tủa Thàng, Sín Chải; các hồ thủy lợi: Pá Khoang, Hồng Khénh, Hồng Sặt, Pe Luông; nuôi trong ao, bể tại các xã, phường: Thanh An, Thanh Yên, Thanh Nưa, Mường Phăng, Điện Biên Phủ, Quài Tở, Tuần Giáo.

- Phân bố không gian phát triển lâm nghiệp: Duy trì 02 khu rừng đặc dụng hiện có là Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé và Khu bảo vệ cảnh quan Mường Phăng; phát triển vùng trồng nguyên liệu gỗ trên địa bàn các xã phường; phát triển vùng trồng cây mắc ca quy mô cụ thể như sau:

Các xã phát triển trên 1.000 ha: Na Son, Mường Luân, Mường Nhà, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Sín Thầu, Mường Nhé, ...; Các xã phát triển từ 500 ha đến 1.000 ha: Mường Pồn, Thanh Nưa, Núa Ngam, Mường Ảng, Mường Toong, Nậm Kè, Mường Chà, Chà Tở, Si Pa Phìn, Sáng Nhè, Mường Phăng, Xa Dung, Pu Nhi, Tia Đình, Phình Giàng, Na Sang, Mường Tùng, Nậm Nèn, Quảng Lâm, Tủa Chùa,...; các xã còn lại dưới 500 ha..

e) Khu quân sự, an ninh

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

xây dựng và tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

g) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Thu hút đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và xây dựng hạ tầng xã hội khác để phát triển sinh kế, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp nước, cơ sở năng lượng, hạ tầng thương mại dịch vụ (chợ), hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền hình phục vụ khu vực đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp, làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với ổn định và nâng cao thu nhập góp phần nâng cao đời sống đồng bào gắn với rừng.

- Ưu tiên giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; quy hoạch, bố trí sắp xếp, di dời các hộ dân trong vùng thiên tai nguy hiểm gắn với ổn định đời sống dân cư.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a. Đường bộ

- Hệ thống đường cao tốc và quốc lộ trên địa bàn tỉnh được định hướng phát triển, đầu tư xây dựng theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó:

- + Đường cao tốc Sơn La - Điện Biên (CT.03): Điều chỉnh lộ trình đầu tư, triển khai xây dựng trong giai đoạn trước năm 2030.

- + Hệ thống quốc lộ: Bao gồm các tuyến QL6, QL4H, QL12, QL279, QL279B, QL279C và QL12D; định hướng đầu tư nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô tối thiểu theo quy hoạch được duyệt. Trong đó, tuyến Quốc lộ 4H được điều chỉnh định hướng nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III-IV, quy mô 2-4 làn xe. Ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ hiện hữu nhằm đáp ứng yêu cầu kết nối và năng lực khai thác; đối với các đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, nghiên cứu phương án xây dựng đường tránh hoặc mở rộng mặt cắt ngang phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.

- Hệ thống đường bộ do địa phương quản lý: Định hướng phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, bảo đảm khả năng kết nối thuận lợi, thông suốt giữa các địa

phương trong tỉnh, với các tỉnh trong vùng và cả nước. Ưu tiên đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh hiện hữu; đồng thời nghiên cứu đầu tư xây dựng mới một số tuyến đường tỉnh nhằm tăng cường kết nối các trung tâm xã sau sắp xếp đơn vị hành chính. Bên cạnh đó, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống đường đô thị và đường liên xã; ưu tiên phát triển các trục giao thông chính trong đô thị và các tuyến đường liên xã kết nối trung tâm hành chính các địa phương, phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

b. Đường thủy nội địa

Các tuyến đường thủy nội địa do trung ương quản lý được thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Đối với hệ thống đường thủy nội địa do địa phương quản lý, định hướng phát triển các luồng tuyến và hệ thống bến thủy nội địa theo hướng linh hoạt; nghiên cứu bổ sung, mở mới các tuyến luồng và bến thủy nội địa trong tương lai tại các khu vực hình thành hồ thủy điện lớn và trên các tuyến sông đủ điều kiện khai thác vận tải, phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c. Cảng hàng không, sân bay

Định hướng phát triển Cảng hàng không Điện Biên đạt tiêu chuẩn cấp 3C theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất nâng cấp Cảng hàng không Điện Biên thành cảng hàng không quốc tế cấp 4E sau năm 2030 khi được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành quốc gia, để phù hợp với Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

d. Công trình hạ tầng giao thông khác

- Bến xe khách: Định hướng nâng cấp, cải tạo các bến xe khách hiện hữu; đồng thời nghiên cứu đầu tư xây dựng mới một số bến xe khách tại trung tâm các cụm xã có điều kiện hạ tầng giao thông thuận lợi, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; khuyến khích xã hội hóa đầu tư.

- Bãi đỗ xe: Định hướng bố trí các bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ và trung tâm hành chính; khuyến khích đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Trạm dừng nghỉ: Định hướng quy hoạch và đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ trên một số tuyến giao thông trọng điểm, gồm đường cao tốc, quốc lộ và các trục kết nối vùng, bảo đảm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông.

- Công trình logistics: Định hướng quy hoạch trung tâm logistics cấp vùng tại khu vực cửa khẩu Tây Tráng và khu vực Cảng hàng không Điện Biên; đồng thời phát triển hệ thống kho bãi và các trung tâm logistics quy mô nhỏ tại trung tâm các xã, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trung chuyển, lưu kho và phân phối hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới điện

- Nguồn điện: Duy trì, phát triển các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện đã được được chấp thuận chủ trương đầu tư đảm bảo theo quy định của pháp luật. Phát triển mới một số dự án nguồn điện tiềm năng (thủy điện, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời, điện rác...).

- Lưới điện: Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu, cụm công nghiệp và các khu du lịch, các dự án công nghiệp lớn. Nâng cao độ tin cậy an toàn cung cấp điện, đảm bảo chất lượng điện năng lưới điện toàn tỉnh với việc được cấp từ 02 nguồn trở lên. Đảm bảo truyền tải tối đa công suất các nhà máy điện để khai thác hiệu quả, an toàn nguồn tài nguyên năng lượng của tỉnh.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, trọng tâm chuyển đổi hạ tầng truyền thông sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

Phát triển đồng bộ, hiện đại hoá hạ tầng bưu chính, viễn thông đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Chuyển đổi hạ tầng bưu chính thành hạ tầng logistic, TMĐT. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số phục vụ toàn diện quá trình chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm phổ cập dịch vụ, băng thông siêu rộng, dung lượng siêu lớn, xanh, mở, thông minh, an toàn và bền vững.

- Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

+ Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo hướng đồng bộ, liên thông với hạ tầng giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp thoát nước, công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm sử dụng chung công trình hạ tầng giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các ngành, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Triển khai ngầm hóa mạng cáp theo từng khu vực hành chính, ưu tiên khu vực trọng điểm và khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị; thực hiện đồng bộ ngầm hóa cáp viễn thông và cáp truyền hình, gắn với đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị và các hạ tầng kỹ thuật khác, theo hướng sử dụng chung và phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung liên ngành.

+ Các công trình hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ quy chuẩn, trong đó hạ tầng viễn thông thụ động là nội dung bắt buộc trong thiết kế cơ sở; chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin dự án để tổ chức cho doanh nghiệp viễn thông đăng ký sử dụng chung. Việc xây dựng cột ăng ten bảo đảm phù hợp cảnh quan và dùng chung hạ tầng: khu vực đô thị, trung tâm xã và các tuyến phố chỉ lắp đặt cột A1,

hoàn thành chuyển đổi A2a sang A1 tại đô thị và khu du lịch; khu vực nông thôn phát triển cột A2 tại nơi có quỹ đất, lõm hoặc sóng yếu, khuyến khích ngụy trang, thân thiện môi trường; thực hiện tắt sóng 2G/3G theo lộ trình của tỉnh.

+ Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc tuyến: Điện Biên - Lai Châu và Điện Biên - Sơn La. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai, xây dựng các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên vùng, đặc biệt là các vùng kinh tế - chính trị, vùng động lực phát triển của tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên phân đầu phát triển đô thị thông minh, phục vụ nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông tốc độ và chất lượng cao.

4. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước, thủy lợi

- Phương án phân vùng cấp nước: Phân vùng cấp nước theo từng xã, phường. Nguồn nước mặt chủ yếu khai thác từ 3 hệ thống lưu vực sông lớn gồm: Sông Đà, Sông Mã và Sông Mê Kông với các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Bum, Nậm Mực, Nậm Muôi, Nậm Húa, Suối Lư, Nậm Rôm, Nậm Núa...

- Phương án cấp nước cho các khu vực: Cải tạo, nâng cấp 10 nhà máy cấp nước từ các công trình hiện trạng với tổng công suất dự kiến 65.000m³/ngđ; xây dựng mới 08 nhà máy cấp nước tại các đô thị với công suất dự kiến 22.370 m³/ngđ.

- Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

+ Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh.

+ Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

+ Xây dựng phương án tổng thể bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng các ngành kinh tế - xã hội từ hệ thống công trình thủy lợi, bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững: Phát triển giải pháp tạo nguồn, tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; cấp chủ động cho diện tích đất trồng lúa, màu; cấp nước cho các vùng đất dốc sản xuất cây hàng hóa có giá trị kinh tế cao; cấp nước cho các vùng khan hiếm nước; nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống hạn hán.

+ Xây dựng phương án đảm bảo tiêu, thoát tổng thể cho toàn vùng; đề xuất các giải pháp tiêu thoát cho các khu vực trũng thấp, các khu, cụm công nghiệp, đô thị.

+ Xây dựng phương án pháp phòng, chống lũ, ngập lụt bảo đảm an toàn dân sinh, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất; nghiên cứu giải pháp phòng, chống đối với sạt lở bờ sông, trên cơ sở diễn biến thực tế xảy ra tại các vùng; đề

xuất định hướng nghiên cứu các giải pháp phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đối với các vùng có nguy cơ cao.

5. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước thải

- Khu vực đô thị: Hình thức xử lý nước thải có thể xây dựng trạm xử lý tập trung hoặc trạm xử lý phân tán tùy theo điều kiện địa hình, bố trí các khu dân cư và phân khu chức năng đô thị.

- Nước thải khu công nghiệp: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bố trí các nhà máy xử lý nước thải cho từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Nước thải y tế: Nước thải từ bệnh viện và các cơ sở y tế được xử lý cục bộ bằng các trạm xử lý đảm bảo qui định hiện hành.

- Khu vực nông thôn: Các cụm dân cư sống tập trung nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó theo hệ thống cống chung được dẫn về các trạm xử lý tập trung.

6. Phương án phát triển các khu vực xử lý chất thải

- Xây dựng 01 khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Sam Mứn, với đầy đủ công nghệ chế biến phân hữu cơ, tái chế chất thải rắn, chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, nhằm xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu vực vùng kinh tế I. Xử lý chất thải rắn công nghiệp nguy hại trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng 09 khu xử lý chất thải rắn cấp huyện cũ xử lý cho đô thị trung tâm hành chính xã, phường và khu dân cư nông thôn các xã phụ cận. Sử dụng công nghệ phân loại, thu hồi các thành phần có khả năng tái chế, chế biến phân hữu cơ tại các khu xử lý. Tập trung đầu tư lò đốt chất thải rắn sinh hoạt quy mô nhỏ (5-7 tấn/ngày) và xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn phát sinh từ các khu, cụm du lịch được thu gom và xử lý chung với chất thải rắn đô thị.

- Riêng đối với khu xử lý chất thải, nước thải của các khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản.

7. Phương án phát triển khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và tang lễ

- Nghĩa trang đô thị: Quy hoạch 12 nghĩa trang tập trung tại các khu đô thị với tổng diện tích khoảng 235 ha, trong đó nghĩa trang lớn nhất là công viên nghĩa trang Điện Biên với diện tích 100 ha (tại xã Thanh Nua).

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung với qui mô dự kiến 5-10 ha, công nghệ táng phù hợp từng địa phương (hung táng, cát táng).

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, đảm bảo mỗi huyện (cũ) có tối thiểu 01 đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đảm bảo đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc cứu nạn cứu hộ dài nhất, rộng nhất, cao nhất và nặng nhất của lực lượng chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tiếp cận được.

Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành. Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và Trung ương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng y tế và trợ giúp xã hội

Hệ thống y tế công lập được quy hoạch phát triển đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở, thích ứng linh hoạt với quy mô dân số và mô hình đơn vị hành chính mới. Mạng lưới bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và trung tâm y tế khu vực được đầu tư hiện đại hóa về trang thiết bị và nhân lực theo nguyên lý y học gia đình, gắn kết chặt chẽ với hệ thống y tế dự phòng để quản lý sức khỏe liên tục từ sớm. Tại cấp cơ sở, các trạm y tế xã, phường được sắp xếp lại đảm bảo độ bao phủ toàn diện, thực hiện đầy đủ chức năng từ khám chữa bệnh cơ bản đến chăm sóc sức khỏe nhóm yếu thế và an toàn thực phẩm

- Lĩnh vực khám chữa bệnh và phục hồi chức năng

+ Tuyến tỉnh: Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện tuyến tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng. Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh. Thành lập Trung tâm Ung bướu, Trung tâm Tim mạch, trung tâm Lão khoa thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh; Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ Bệnh viện Y học cổ truyền thành Bệnh viện Y Dược cổ truyền – Phục hồi chức năng; Thành lập mới Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi; Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Tâm Thần

+ Tuyến cơ sở: Sắp xếp lại các **TTYT hiện nay** thành các Bệnh viện đa khoa trực thuộc Sở Y tế và chuyển đổi Tên hiện nay; Sắp xếp 129 trạm y tế xã, phường, thị trấn thành 45 trạm y tế xã, phường tương ứng 45 đơn vị hành chính cấp xã, phường và 84 điểm trạm trực thuộc TTYT. Chuyển nguyên trạng 45 trạm y tế xã, phường bao gồm các điểm trạm y tế hiện nay thuộc Trung tâm Y tế về UBND xã, phường quản lý.

+ Y tế ngoài công lập: Khuyến khích phát triển bệnh viện tư nhân và hệ thống phòng khám tư nhân tại các khu vực có điều kiện lợi.

- Lĩnh vực dự phòng và y tế công cộng:

+ Đầu tư nâng cấp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác kiểm soát bệnh tật và kiểm dịch biên giới; củng cố, nâng cấp phòng xét nghiệm đã đạt an toàn sinh học cấp 2 và tiến tới đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 vào năm 2030.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức trạm y tế xã, phường, xây dựng trạm y tế theo chuẩn. Đến năm 2030, 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- *Lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình*: Xây dựng mô hình lồng ghép thực hiện các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số cho người dân trong địa bàn tỉnh (chăm sóc trước, trong và sau sinh, sàng lọc trước sinh....dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...).

- *Lĩnh vực giám định y khoa và pháp y*: Giữ nguyên mô hình như hiện tại, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của 2 Trung tâm Giám định Pháp y và Giám định Y khoa.

Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, trong đó ưu tiên xây dựng các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới,...

- Lĩnh vực an sinh xã hội

Bảo đảm duy trì không gian phát triển 02 cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp, phát triển thêm 01 cơ sở công lập người cao tuổi nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao và khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư xây dựng 1-2 cơ sở ngoài công lập tỉnh

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Đến năm học 2030-2031, toàn tỉnh có 172 trường mầm non (tăng 12 trường), 130 trường tiểu học (tăng 04 trường), duy trì 127 trường trung học cơ sở (tăng 02 cơ sở có tổ chức giáo dục THCS, trong đó 01 cấp tiểu học trong Tổ hợp Giáo dục FPT tại Điện Biên; 01 cấp tiểu học trong trường thực hành sư phạm của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên), 35 trường trung học phổ thông (tăng 02 trường). Đối với giáo dục thường xuyên, duy trì 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên so với năm học 2025-2026. Đầu tư xây dựng 15 trường phổ thông nội trú liên cấp tại 15 xã biên giới. Về mạng lưới trường PTDTNT, PTDTBT, xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông huyện Tuần Giáo tại địa điểm mới. Tiếp tục bổ sung, kiên cố hóa cơ sở vật chất cho các cơ sở có học sinh nội trú, bán trú vùng dân tộc thiểu số theo hướng đạt chuẩn, thân thiện môi trường, bảo đảm đủ chỗ ở cho 100% học sinh nội trú và học sinh bán trú có nhu cầu. Tiếp tục duy trì và tăng cường đầu tư cho Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập của tỉnh, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và cải tạo các cơ sở giáo dục theo hướng thuận lợi nhất cho trẻ khuyết tật học hòa nhập; khuyến khích đầu tư, mở rộng các trung tâm Hỗ trợ giáo dục hoà nhập ngoài công lập.

Đối với giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh phát triển hệ thống các cơ sở theo hướng gắn với nhu cầu thị trường lao động, sắp xếp lại các cơ sở đào tạo theo hướng tinh gọn, đạt chuẩn. Điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch Trường Cao đẳng Điện Biên theo định hướng trường cao đẳng chất lượng cao gắn với các ngành mũi nhọn của tỉnh.

Đối với giáo dục đại học, trong giai đoạn 2026-2030, điều chỉnh thành lập trường Đại học Điện Biên Phủ trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng hiện có thành thành lập và phát triển Phân hiệu Đại học Thái Nguyên trên cơ sở tổ chức Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường Cao đẳng Y tế, xây dựng thành trung tâm đào tạo, đại học, sau đại học, nghiên cứu và chuyển giao tri thức, công nghệ phục vụ phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của tỉnh. Chuẩn bị các và thực hiện chuyển đổi Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên thành Trường Đại học Điện Biên Phủ khi đủ điều kiện sau năm 2030 tại phường Điện Biên Phủ. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai Thành lập Tổ hợp giáo dục FPT bao gồm phân hiệu trường Cao đẳng và Đại học.

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

a. Thiết chế văn hóa tỉnh:

Đến năm 2030: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Văn hóa, Rạp chiếu phim, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Điện Biên, Nhà hát, Trung tâm Triển lãm tỉnh để phục vụ hoạt động chuyên môn và nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của người dân trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2030 - 2040: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Trung tâm Văn hóa, Rạp chiếu phim, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Điện Biên, Nhà hát, Trung tâm Triển lãm tỉnh.

Tầm nhìn đến năm 2050: Duy trì Trung tâm Văn hóa, Rạp chiếu phim, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Nhà hát, Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ, Trung tâm Triển lãm.

b. Thiết chế văn hóa xã:

Đến năm 2030: Xây dựng 05 Trung tâm Văn hoá - Thể thao đa năng quy tại trung tâm hành chính các xã. Phát triển 35 Nhà thiếu nhi đa năng tại trung tâm hành chính 35/45 xã, trên cơ sở tận dụng cơ sở công vụ dôi dư sau sáp nhập chính quyền hai cấp.

Tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng 30 Trung tâm Văn hoá - Thể thao đa tại trung tâm hành chính các xã còn lại.

c. Thiết chế văn hoá thôn bản:

- Đến năm 2030: Trên 72% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của người dân.

- Giai đoạn năm 2030 - 2040: Phấn đấu nâng tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá, điểm sinh hoạt cộng đồng lên trên 80%.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Phấn đấu tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá, điểm sinh hoạt cộng đồng đạt 100%.

d. Thiết chế thể dục, thể thao

- Đến năm 2030: Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể dục, thể thao cấp tỉnh (bao gồm: Sân vận động; Bể bơi; dân thể thao ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật) đáp

ứng tiêu chuẩn kỹ thuật; 100% các xã, phường có sân thể thao; 50% các bản, tổ dân phố có Khu thể thao.

- Giai đoạn 2030 - 2040: Mạng lưới thiết chế thể thao cấp tỉnh hiện đại, đủ điều kiện đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao lớn của khu vực, toàn quốc và quốc tế; 100% xã, phường có đầy đủ từ 2 - 3 công trình thể thao cơ bản; 100% các thôn, bản, tổ dân phố có Khu thể thao.

- Tầm nhìn đến năm 2050: 100% xã, phường có đầy đủ 3 công trình thể thao cơ bản.

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng an sinh xã hội

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trung tâm Điều dưỡng người có công và công tác xã hội; các công trình ghi công liệt sĩ.

Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở cai nghiện ma túy; khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập.

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

Tại phường Điện Biên Phủ phát triển các loại hình thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, mua sắm hạng II và III, siêu thị hạng II và hạng III, nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ, hình thành các chợ đặc biệt như chợ đêm, chợ lễ hội phục vụ du lịch. Tại các đô thị khác chủ yếu phát triển siêu thị hạng III, (ít nhất mỗi đô thị 01 siêu thị).

Giai đoạn 2021-2030, phát triển 63 chợ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trong đó: Nâng cấp 27 chợ hiện hữu, kế thừa 20 chợ theo quy hoạch đã duyệt và bổ sung mới 16 chợ.

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Phương án điều chỉnh phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được xây dựng theo hướng chuyển từ mô hình đầu tư cơ sở nghiên cứu truyền thống sang phát triển hạ tầng đồng bộ, gắn chặt với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số. Việc điều chỉnh này xuất phát từ yêu cầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, phù hợp với mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh, đồng thời khắc phục những hạn chế của giai đoạn trước như đầu tư phân tán, thiếu trọng tâm, hiệu quả ứng dụng và lan tỏa công nghệ chưa cao.

Nâng cấp Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường năng lực nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao; đầu tư bổ sung hệ thống thiết bị phân tích, kiểm nghiệm hiện đại phục vụ các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, môi trường, y tế và dược liệu. Đồng thời, bổ sung định hướng xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh làm đầu mối kết nối giữa nghiên cứu, ứng dụng và phát triển doanh nghiệp, từng bước hình thành các cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các lĩnh vực công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI),

Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và các nền tảng số. Hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp công nghệ cao được ưu tiên đầu tư theo hướng gắn với chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, bảo đảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm địa phương trên thị trường.

Hình thành và phát triển các cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, gắn với hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật trong quản lý nhà nước, sản xuất và cung ứng dịch vụ công. Hạ tầng KH&CN được định hướng phát triển gắn kết chặt chẽ với hạ tầng số, tạo nền tảng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bao gồm khu sản xuất tập trung, nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới thông minh, công nghệ sinh học và công nghệ sau thu hoạch. Thông qua đó, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị bền vững, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Việc phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công – tư và liên kết với viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm tính bền vững trong dài hạn.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc và miền núi, quan tâm đầu tư phát triển vùng sâu vùng xa, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Khai thác triệt để, sử dụng toàn bộ quỹ đất đai vào các mục đích cụ thể, không để tình trạng còn đất trống đồi núi trọc. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ của tỉnh, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2030 tổng diện tích tự nhiên là 954.804 ha, trong đó: đất nông nghiệp có 895.674 ha, chiếm 93,81% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp có 48.543 ha, chiếm 5,08% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng còn lại 10.587 ha, chiếm 1,11% tổng diện tích đất tự nhiên.

VII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo đảm hầu hết các loài đặc hữu, có giá trị về mặt khoa học và kinh tế được bảo tồn hiệu quả; phần lớn diện tích các khu rừng tự nhiên được xem xét đưa vào chiến lược khai thác và bảo tồn ở các cấp độ khác nhau.

- Tiếp tục duy trì các khu bảo tồn hiện có, đồng thời quy hoạch xây dựng các khu bảo tồn mới, phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Điện Biên có 02 khu bảo tồn thiên nhiên: VQG Mường Nhé (nâng cấp từ khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé, diện tích 46.730,40 ha); Khu bảo vệ cảnh quan Mường Phăng (4.436,55 ha).

- Bên cạnh việc quy hoạch các khu bảo tồn đa dạng sinh học, thiết lập khu vực đa dạng sinh học cao rừng tự nhiên phòng hộ tỉnh Điện Biên; khu vực đất ngập nước quan trọng hồ Pá Khoang; cảnh quan sinh thái quan trọng cánh đồng Mường Thanh, Động Pa Thơm; Động Xá Nhé; Đèo Pha Đin; Khu vực ngã ba biên giới - cực tây A Pa Chải; và các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

b) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Điện Biên theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

- Vùng bảo tồn: Bao gồm 02 vùng lõi VQG Mường Nhé; Khu BVCQ Mường Phăng; Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ; Vùng bảo vệ nguồn nước hồ cấp nước sinh hoạt Huổi Phạ, Pá Khoang; Vùng sinh thủy và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đầu nguồn các lưu vực sông Mã, Nậm Mu, Nậm Núa; Các đô thị loại II, III.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Vùng đệm các khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo vệ thiên nhiên; Khu vực bảo vệ II Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ, hành lang bảo vệ nguồn nước các sông suối trên địa bàn tỉnh Điện Biên; hành lang đa dạng sinh học núi; rừng phòng hộ đầu nguồn; các khu tập trung dân cư đô thị loại IV, loại V trước thực hiện hành chính 2 cấp; vùng trồng lúa nước hai vụ; vùng nuôi trồng thủy sản.

c) Quan trắc môi trường đất, nước, không khí

- Môi trường không khí: Tổng số 51 điểm trạm trong đó có 42 vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh và 09 vị trí quan trắc môi trường khí thải.

- Môi trường nước mặt lục địa: Tổng số 55 điểm trạm, trong đó có 02 trạm tự động (Sông Nậm Núa và Hồ thủy lợi Nậm Khẩu Hú).

- Môi trường nước dưới đất: Tổng số 20 vị trí quan trắc định kỳ;

- Môi trường đất: Tổng số 35 vị trí quan trắc định kỳ.

- Đa dạng sinh học: 03 điểm.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) nhu cầu nước cho thủy sản; (6) nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ chất lượng nước

- Xây dựng mạng quan trắc giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước và xả thải: Nghiên cứu xây dựng mạng tự động quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước trên các tiểu vùng, các sông suối chính, các hồ khai thác sử dụng nước và xả nước thải lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi; các khu đô thị... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong bảo vệ tài nguyên nước; các nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt.

- Bảo vệ nguồn sinh thủy: Đẩy mạnh trồng rừng, nâng cao độ che phủ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt; quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ.

- Phát triển, cải tạo các công trình tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các công trình xử lý nước: Tăng cường nạo vét các sông trong khu vực đô thị; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung và phân tán.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ: Tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ trên địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành hồ chứa nước phải có phương án đảm bảo an toàn công trình, phòng, chống lũ lụt cho những vùng xung quanh hợp lý; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ, cứu hộ khu dân cư và đất sản xuất khu vực ven sông, suối; xây dựng các phương án di dân an toàn khỏi những vùng mưa lũ, sạt lở, đảm bảo đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả lũ lụt, trợ cấp cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng.

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của hạn hán: Xây dựng các công trình chứa nước (nâng cấp 02 hồ chứa, xây mới 09 hồ chứa; hỗ trợ cho việc xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng.

3. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phương án phòng chống thiên tai

Tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai, nguy cơ thiên tai, các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai. Tăng cường cảnh báo, sẵn sàng ứng phó với lũ, lũ quét, sạt lở đất. Chủ động tổ chức việc di dời, bố trí sắp xếp lại dân cư đang sinh sống ở ven sông, suối; sườn đồi, núi; hạ lưu các hồ chứa; các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất; ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng lấn chiếm lòng sông, suối thu hẹp không gian thoát lũ; xây mới, đảm bảo an

toàn hồ chứa tăng khả năng cất lũ; Không tích nước đối với các hồ chứa không đảm bảo an toàn chống lũ; nghiên cứu, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đổi thời vụ sản xuất thích ứng với thiên tai.

b) Biện pháp ứng phó với các loại hình thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

Chủ động sơ tán người, tài sản của nhà nước và nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, chống thất thoát nước; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống; triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng; nghiên cứu đề xuất giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt; cập nhật kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo về thời tiết để chủ động phòng tránh, ứng phó với thiên tai nắng nóng, lốc, sét, mưa đá.

IX. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển theo phương án chọn, đề xuất 08 nhóm giải pháp chủ yếu sau:

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng; Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

3. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

a) Giải pháp về môi trường

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

b) Giải pháp về khoa học và công nghệ

Chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về khoa học và công nghệ; tăng cường công tác tổ chức thực hiện, bảo đảm các cơ chế, chính sách được cụ thể hóa thành chương trình, nhiệm

vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất, quản lý và cung ứng dịch vụ công. Tập trung ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế, hướng tới mở rộng xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Tăng cường và từng bước nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược và lâu dài trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp chủ động dành kinh phí cho đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn; nâng cao năng lực của các trung tâm nghiên cứu, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, cũng như các tổ chức dịch vụ khoa học kỹ thuật. Từng bước hình thành hệ sinh thái hỗ trợ đổi mới sáng tạo đồng bộ, qua đó nâng cao khả năng tiếp nhận, làm chủ, thích nghi và chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

c) Về chuyển đổi số

Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp, sản phẩm Ocop, dược liệu: Triển khai các hoạt động thương mại điện tử nhằm hỗ trợ quảng bá, tiếp thị các sản phẩm nông sản của địa phương; ứng dụng các công nghệ IoT, BigData, Blockchain để phân tích, đánh giá môi trường; ứng dụng công nghệ GIS trong việc truy xuất nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm;

Chuyển đổi số ngành lâm nghiệp trồng rừng: ứng dụng công nghệ DND mã vạch trong quản lý giống lâm nghiệp và lâm sản, Ứng dụng công nghệ GIS và ảnh viễn thám trong việc phát hiện sớm và cảnh báo cháy rừng, mất rừng, suy thoái rừng...v.v.

Chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp: chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

Chuyển đổi số ngành du lịch: Số hóa dữ liệu các di sản văn hoá, ưu tiên các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt; di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và các di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể, các điểm tham quan, làm nền tảng để ứng dụng các công nghệ hiện đại như 360...

Chuyển đổi số ngành giáo dục, y tế: Triển khai cầu truyền hình và nền tảng hỗ trợ hệ thống khám chữa bệnh từ xa Telehealth tại trạm y tế. Với Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: phát triển nền tảng hỗ trợ dạy học từ xa, số hóa tài liệu, giáo trình

giảng dạy. Ứng dụng công nghệ số trong việc giao bài tập về nhà và kiểm tra bài vở của học sinh trước khi đến lớp...

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

Liên kết với các tỉnh trong vùng và cả nước tạo cơ hội phát triển các ngành lĩnh vực mà Tỉnh có lợi thế. Thúc đẩy hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường.

5. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Công bố, phổ biến và triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch.

X. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.